

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hòn Ô Gà, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Phú Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hòn Ô Gà, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Phú Phong tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 01/4/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hòn Ô Gà, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 09/CV-PP ngày 19/4/2021 của Công ty TNHH Xây dựng Phú Phong;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 321/TTr-STNMT ngày 27/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Phú Phong (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực Hòn Ô Gà, xã Bình Nghi, huyện Tây

Son, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại UBND xã Bình Nghi theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu Dự án không được triển khai, Công ty phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giao UBND xã Bình Nghi - Chủ đầu tư các công trình xây dựng trên địa bàn xã Bình Nghi (theo Văn bản số 756/UBND-KT ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh) giám sát việc khai thác, vận chuyển đất đến công trình phù hợp theo hợp đồng thi công ký kết với Công ty TNHH Xây dựng Phú Phong (nhà thầu thi công) và đúng theo các cam kết trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Nghi;
- Chủ dự án;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hòn
Ồ Gà, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định
CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÚ PHONG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hòn Ổ Gà, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Phú Phong.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Số 67 Trần Quang Diệu, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3880368.

1.4. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 1,65 ha.

- Thời gian khai thác: 03 năm.

- Thời gian làm việc trong ngày: 8 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Tổng trữ lượng được phép khai thác: 206.478 m³ đất địa chất (gồm 201.870 m³ đất san lấp và 4.608 m³ đất tầng phủ để phục hồi môi trường).

1.5. Mục đích khai thác: phục vụ thi công xây dựng một số công trình trên địa bàn huyện Tây Sơn có sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước do Công ty TNHH Xây dựng Phú Phong trực tiếp thi công (theo Văn bản số 756/UBND-KT ngày 08/02/2021 của UBND tỉnh), bao gồm:

- Giai đoạn 1: khai thác 51.582 m³ đất san lấp phục vụ thi công công trình Khu dân cư xã Bình Nghi 2019 (Khu dân cư thôn 2), công trình đường giao thông nông thôn từ Gò Long đến Tấn Tường, công trình đường giao thông nông thôn từ Gò Sa đến Nguyễn Miến.

- Giai đoạn 2: khai thác 150.288 m³ đất san lấp phục vụ thi công công trình Hạ tầng khu dân cư xã Bình Nghi. Trước khi khai thác, Công ty phải cung cấp hợp đồng thi công gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.6. Phương pháp khai thác

- Năm xây dựng cơ bản: tạo mặt bằng khu phụ trợ phía Bắc tại cos +37m và mặt bằng bãi lưu chứa đất bóc tầng phủ phía Tây Bắc tại cos +37m.

- Bắt đầu mở vỉa khai thác từ phía Nam Dự án, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, hết lớp này đến lớp khác; cos kết thúc khai thác giai đoạn 1 +47m và giai đoạn 2 +32,5m. Sử dụng máy đào để khai thác và xe 7 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác).

1.7. Hạng mục, công trình của Dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: hồ lắng 02 ngăn phía Đông Bắc (gần điểm góc số 02) thể tích khoảng 300 m³; 01 hồ giảm tốc phía Tây Bắc thể tích khoảng 88 m³; mương thu gom nước mưa về hồ lắng có tổng chiều dài khoảng 407 m; mương dẫn nước từ hồ lắng ra suối cạn phía Bắc chiều dài khoảng 200 m; nhà vệ sinh di động.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất có chiều dài 212,66m x chiều rộng 5m), được lắp công tại đoạn giao với mương thu gom nước mưa.

- Bãi lưu chứa đất bóc tầng phủ phía Tây Bắc khu mỏ (nằm trong khu vực khai thác), diện tích khoảng 2.000 m², được kè chắn đảm bảo.

- Khu vực phụ trợ phía Bắc khu mỏ (nằm trong khu vực khai thác), diện tích khoảng 240 m² để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động và bãi tập kết xe.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lấn bùn đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác gây nguy cơ sạt lở vách núi; hoạt động vận chuyển đất đến công trình gây hư hỏng tuyến đường đất nối từ đường bê tông dẫn vào khu vực mỏ.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 0,96 m³/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 3.399 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình thực hiện san lấp.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 3,6 ÷ 7,2 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải rắn phát sinh từ hoạt động khai thác

Đất bóc tầng phủ phát sinh trong quá trình khai thác khoảng 4.608 m³.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực dự án

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 07 kg/năm.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 03 kg/năm.

2.7. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động và thuê đơn vị thu gom, xử lý khi bể đầy.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh khu mỏ (kích thước: dài 407m x rộng 1,5m x cao 1m), kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo; mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận (kích thước: dài 200m x rộng 1,5m x cao 1m), kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ lắng 02 ngăn phía Đông Bắc Dự án, tọa độ (1.535.565; 578.140), thể tích khoảng 300 m³ (dài 25m x rộng 6m x sâu 2m); 01 hồ giảm tốc phía Tây Bắc Dự án, thể tích khoảng 88 m³; các hồ được gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn được thu gom về hồ lắng để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1$).

- Quy trình thu gom, xử lý

+ Nước mưa chảy tràn sườn phía Tây Dự án → mương thu gom → hồ giảm tốc phía Tây Bắc → mương dẫn nước → hồ lắng phía Đông Bắc → mương dẫn nước ra suối cạn phía Bắc Dự án.

+ Nước mưa chảy tràn sườn phía Đông Dự án → mương thu gom → hồ lắng phía Đông Bắc → mương dẫn nước ra suối cạn phía Bắc Dự án.

3.2. Về xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu mỏ.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

Bố trí 01 thùng đựng rác sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý lượng đất bóc tầng phủ phát sinh trong quá trình khai thác

Bố trí bãi lưu chứa đất bóc tầng phủ phía Tây Bắc khu mỏ (diện tích khoảng 2.000 m², được kè chắn đảm bảo) để san lấp mặt bằng Dự án sau khi kết thúc khai thác hàng năm.

3.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn theo quy định (bố trí tại khu vực nhà tạm) để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực Dự án.	02 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác.
2.	San gạt mặt bằng Dự án.	5.575 m ³	Không tạo hố lồi lõm, tạo độ nghiêng về phía Bắc, thuận lợi cho quá trình thoát nước trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm.
3.	Tháo dỡ kè chắn bãi lưu chứa đất bóc tầng phủ.	50 m ³		
4.	San lấp mương thu gom, thoát nước và hồ lắng.	1.328 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc Dự án.
5.	Tháo dỡ cống thoát nước qua đường giao thông.	12 m ²	Trả lại hiện trạng ban đầu.	
6.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động.	40 m ²	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc Dự án.
7.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực dự án (mật độ 2.000 cây/ha).	1,65 ha	Phủ xanh khu vực khai thác.	Thực hiện sau khi kết thúc khai thác theo khối lượng cung cấp cho hợp đồng thi công các công trình.
8.	Cải tạo tuyến đường đất từ đường bê tông đến khu mỏ.	513 m ³	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày trước khi dự án đi vào khai thác và sau khi kết thúc Dự án.
9.	Đo vẽ bản đồ địa hình.	1,65 ha	- Giám sát độ sâu khai thác. - Lập bản đồ hiện trạng khai thác hàng năm và bản đồ địa hình sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.	Đo vẽ hàng năm và sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **265.517.000 đồng** (Hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 03 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 66.380.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 99.568.500 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: tạo bờ dừng khu vực phía Nam mở đảm bảo không gây sạt lở trong quá trình khai thác.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 01 hồ lắng 02 ngăn phía Đông Bắc; 01 hồ giảm tốc phía Tây Bắc; hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn; mương thoát nước từ hồ lắng ra suối cạn phía Bắc dự án.

- Bãi lưu chứa đất bóc tầng phủ.
- Nhà vệ sinh di động.
- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát nước thải đầu ra tại hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1$); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 01 điểm gần nhà dân đầu đường vào khu vực dự án; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.